

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LẠC SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 28-09-2022  
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN- TỈNH HOÀ BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* bà Lê Thị Hồng.

*Hội Thẩm Nhân Dân:* ông Bùi Văn Tấn; ông Bùi Văn Quyết

**- Thư ký phiên toà:** bà Hoàng Thị Khánh Linh- Thư ký Toà án nhân dân huyện Lạc Sơn - tỉnh Hoà Bình.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hòa Bình tham gia phiên toà:** bà Bùi Thị Phụng- Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn- tỉnh Hoà Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ L số: 85/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/08/2022 và quyết định hoãn phiên toà số: 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/09/2022 giữa:

- *Nguyên đơn:* anh Bùi Văn L, sinh năm 1981. Cư trú tại: xóm Mu Mạ, xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Có mặt;

- *Bị đơn:* chị Bùi Thị T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: xóm Mu Mạ, xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn ly hôn và các lời khai của mình, nguyên đơn anh Bùi Văn L trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Bùi Thị T kết hôn với nhau tháng 11 năm 2002 trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân xuất phát từ khó khăn về kinh tế, làm ăn thua lỗ khiến cuộc sống chung giữa vợ chồng luôn căng thẳng, nặng nề không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay

không còn quan tâm đến nhau nên anh L xin ly hôn để yên tâm ổn định cuộc sống và nuôi dạy con cái.

2. Về con chung: Anh L và chị Thu có 02 con chung là Bùi Quý Đức, sinh ngày 25/09/2013 và Bùi Thị Thơm, sinh ngày 10/02/2004, hiện các con ở với anh L. Khi ly hôn, anh L xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh L chưa yêu cầu chị Thu có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về công nợ chung: Anh L khai không có

Ngoài ra anh L không có yêu cầu gì thêm.

*Chị Thu vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, không có quan điểm gửi đến Tòa án.*

Phát biểu quan điểm tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hoà Bình công nhận việc chấp hành đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, HĐXX và đương sự từ khi thụ L đến trước khi HĐXX nghị án. Về việc giải quyết vụ án Kiểm sát viên đề nghị như sau:

Về tố tụng: Chị Thu được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng không chấp hành, phiên tòa đã phải hoãn một lần. Do vậy, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Thu là có cơ sở theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nhân: Xác định mâu thuẫn giữa anh L và chị Thu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L với chị Thu là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

Về con chung: Xét yêu cầu của anh L là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GD năm 2014 nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Về tài sản: anh L không yêu cầu giải quyết; về công nợ chung: anh L khai nhận không có. Do vậy, đề nghị HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

Ngoài ra không ai có ý kiến gì thêm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con và bị đơn Bùi Thị T có nơi cư trú tại: xóm Mu Mạ, xã Yên Nghiệp, huyện Lạc Sơn, tỉnh

Hòa Bình nên theo qui định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Về việc vắng mặt của chị Bùi Thị T: Chị Thu vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có L do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Theo qui định tại khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Thu theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quá trình thu thập chứng cứ giải quyết vụ án HĐXX xét thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị Thu là hợp pháp. Cuộc sống chung vợ chồng thực sự có mâu thuẫn, đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay không còn tình cảm và quan tâm đến nhau. Chị Thu không đến Tòa thể hiện không có thiện chí hòa giải đoàn tụ vợ chồng, từ bỏ quyền trình bày nguyện vọng của mình trước việc anh L xin ly hôn với chị.

Từ những nhận định trên thấy mâu thuẫn giữa anh L và chị Thu đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L với chị Thu là phù hợp Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật HN&GD năm 2014.

[3]. Về con chung: Anh L và chị Thu có 02 con chung là Bùi Quý Đức, sinh ngày 25/09/2013 và Bùi Thị Thơm, sinh ngày 10/02/2004 hiện các con ở với anh L. Khi ly hôn, anh L xin trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; chị Thu đi làm ăn xa, không đến Tòa án và không gửi quan điểm bày tỏ nguyện vọng về con chung đến Tòa án; nguyện vọng của cháu Quý và cháu Thơm là mong muốn được sống với bố.

Xét quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên, điều kiện thực tế và nguyện vọng của đương sự thấy cần chấp nhận yêu cầu về con chung của anh L là phù hợp các Điều 58; 81; 82; 83 Luật HN&GD năm 2014.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh L chưa yêu cầu chị Thu phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung với anh. Theo kết quả xác minh tại địa phương thì hiện anh L có đầy đủ điều kiện nuôi con. Căn cứ các Điều 82; 83 Luật HN&GD năm 2014 HĐXX xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của anh L là phù hợp.

[4]. Về tài sản anh L không yêu cầu giải quyết; Về công nợ chung: anh L khai nhận không có nên HĐXX không đề cập giải quyết trong vụ án.

[5]. Về án phí: Anh L phải chịu án phí theo qui định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên:*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51; khoản 1 Điều 56; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn Nhân và Gia Đình năm 2014; Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Bùi Văn L đối với chị Bùi Thị T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Anh Bùi Văn L được ly hôn chị Bùi Thị T.

**2. Về con chung:** Giao con chung là Bùi Quý Đức, sinh ngày 25/09/2013 và Bùi Thị Thơm, sinh ngày 10/02/2004 cho anh L trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục từ tháng 09/2022 trở đi cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác. Anh L chưa yêu cầu chị Thu cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn pháp luật vẫn bảo hộ các quyền của cha mẹ với con chưa thành niên (quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được quyền cản trở; quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con). Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

**3. Về tài sản:** không yêu cầu giải quyết;

**4. Về công nợ chung:** không có;

**5. Về án phí:** Anh L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004303 ngày 13/04/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn, nay anh L không phải nộp án phí nữa.

**6. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án hoặc trích lục án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai theo qui định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự. Người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Lạc Sơn;
- CCTHA huyện Lạc sơn;
- UBND xã Yên Nghiệp, h. Lạc Sơn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**Lê Thị Hồng**

